

ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CỦA NGƯỜI THÁI Ở TỈNH SƠN LA

TS. Nguyễn Thẩm Thu Hà

ThS. Phạm Thị Hà Xuyên

Viện Dân tộc học

Email: nguyenthalthuha83@gmail.com

Tóm tắt: Nghiên cứu tại hai cộng đồng người Thái ở huyện Phù Yên và huyện Mộc Châu của tỉnh Sơn La cho thấy, hiện nay biến đổi khí hậu (BĐKH) đã ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống và hoạt động sinh kế của đồng bào, thể hiện ở tốc độ suy giảm môi sinh; năng suất, chất lượng cây trồng và vật nuôi không ổn định; gia tăng chi phí đầu tư cho sản xuất;... Với những kinh nghiệm, hiểu biết dân gian, các cộng đồng người Thái đã có những cách thức ứng phó phù hợp như chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; thay đổi kỹ thuật; đa dạng hóa ngành nghề..., song hoạt động sinh kế và đời sống của họ vẫn đứng trước nhiều thách thức. Bài viết phân tích những tác động của biến đổi khí hậu đến các hoạt động sinh kế, đời sống sinh hoạt và kinh nghiệm của người Thái ở cấp độ cộng đồng trong việc ứng phó với BĐKH nhằm giảm thiểu rủi ro, thiệt hại cho kinh tế hộ gia đình; từ đó đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao năng lực ứng phó với BĐKH cho người Thái ở nơi đây.

Từ khóa: Ứng phó, biến đổi khí hậu, người Thái, Sơn La.

Abstract: This research, conducted in two Thai communities in Phu Yen and Moc Chau districts of Son La province, shows that climate changes have affected the quality of life and livelihood activities of the ethnic people. These effects are presented in the declining rate of environmental quality; unstable yield of crops and livestock; the increase of investment costs for production, etc. With traditional experiences and folk knowledge, Thai communities have appropriate coping methods such as restructuring crops and livestock; technical change; diversification of occupations. However, their livelihood and life activities still face many challenges. The article analyzes the impacts of climate change on livelihood activities, daily life, as well as the experiences of the Thai communities in responding to climate changes to reduce risks and damage to households' economy; from there, some recommendations are made to improve the capacity of Thai people to cope with climate change.

Keywords: Coping, climate changes, Thai people, Son La.

Ngày nhận bài: 28/6/2021; ngày gửi phản biện: 30/6/2021; ngày duyệt đăng: 14/8/2021.

Mở đầu

Miền núi phía Bắc là một trong những vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao ở Việt Nam, do các nguyên nhân như bất lợi về địa hình, địa lý; ít được tiếp cận các dịch vụ công; thiếu các cơ hội thị trường để phát triển sinh kế (ADC & CARE, 2014);... Bên cạnh đó, những tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) và thiên tai những năm gần đây cũng cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, gây bất ổn đời sống của các tộc người thiểu số (TNTS), dẫn đến tỷ lệ đói nghèo cao. Là một tỉnh ở Tây Bắc Việt Nam, Sơn La chịu tác động lớn của BĐKH trong hơn một thập niên vừa qua. Thống kê về thiệt hại do thiên tai ở tỉnh Sơn La giai đoạn 2010 - 2015 cho thấy: có 57 người chết, 7 người mất tích và 61 người bị thương; 1.014 nhà bị sập, hư hỏng, cuốn trôi, sạt lở và 13.657 ngôi nhà tốc bị mái;... Theo số liệu ước tính của Cục Thống kê tỉnh, từ năm năm 2010 đến 2015, tổng thiệt hại do mưa lớn, mưa đá, gió lốc gây ra là 1.049 tỷ đồng. Chỉ tính từ cuối tháng 7 đến đầu tháng 8/2017 đã xảy ra nhiều đợt mưa rất to gây lũ quét, sạt lở... tại một số huyện của tỉnh Sơn La, cướp đi sinh mạng 30 người, gây thiệt hại về nhà cửa và tài sản khác khoảng 707,6 tỷ đồng. Riêng năm 2020, thiên tai đã gây thiệt hại cho tỉnh này khoảng 9.000 nhà ở, 272ha lúa, 537ha hoa màu và rau, 4.253ha cây trồng bị hỏng; khiến 4 người chết, 12 người bị thương. Ngoài ra, mưa lũ khiến 103 tuyến đường bị hỏng với 5 điểm gây ách tắc... ước tổng thiệt hại trên 219 tỷ đồng.

Người Thái là TNTS đông nhất (53,2%) trong tổng dân số tỉnh Sơn La (Địa chí Sơn La, 2020); sinh sống chủ yếu ở thung lũng hay ven sông, suối - nơi địa hình đối mặt với lũ lụt, lũ ống, lũ quét bất thường nên chịu thiệt hại rất lớn. Vì vậy, thời gian qua, có nhiều đề tài nghiên cứu, dự án phát triển của các tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp được triển khai ở tỉnh Sơn La để tìm hiểu và góp phần giải quyết vấn đề này, song phần lớn thường tập trung theo hướng kỹ thuật, ít chú ý tới khả năng ứng phó của người dân hay cộng đồng dân tộc tại chỗ. Từ góc nhìn dân tộc học, bài viết này phân tích những biểu hiện của BĐKH ảnh hưởng đến đời sống của cộng đồng TNTS và cách ứng phó trong hoạt động sinh kế.

Hai cộng đồng người Thái ở Sơn La được chọn nghiên cứu là bản Mo Nghè 2 (xã Quang Huy, huyện Phù Yên) và bản Dọi (xã Tân Lập, huyện Mộc Châu). Bản Mo Nghè 2 có 210 hộ với 827 khẩu, trong đó có 80% người Thái, còn lại là người Kinh, Mường, Dao. Nguồn thu chính của bản là gieo trồng lúa nước trên các cánh đồng nơi thung lũng, ven suối và chăn nuôi (UBND xã Quang Huy, 2019). Bản Dọi có diện tích tự nhiên là 782,75ha với 278 hộ và 1.289 khẩu, gồm người Thái chiếm 97,7% dân số bản và các dân tộc Kinh, Mường, Dao, Tày cùng sinh sống thành 2 khu dân cư: bản Dọi 1 và bản Dọi 2. Trong đó, bản Dọi 1 là nơi cư trú lâu đời của người Thái Trắng ở Mộc Châu; bản Dọi 2 là bản tái định cư Thủy điện Sơn La (49 hộ ở Mường La chuyển về năm 2003; 13 hộ bán đất về quê cũ nay tách hộ thành 55 hộ). Sinh kế chính của dân bản Dọi là trồng chè, chăn nuôi, phát triển du lịch cộng đồng và sinh thái (UBND xã Tân Lập, 2019). Tuy vậy, người Thái tái định cư ở bản Dọi 2 gặp khó khăn hơn so với người Thái tại chỗ bởi họ phải chịu sự tác động kép: (i)

Ảnh hưởng của Thủy điện Sơn La (khi họ tới bản Dọi, xã Tân Lập thì quỹ đất phân chia không còn nhiều, chất lượng đất kém nên hiệu quả sản xuất không cao).

Các số liệu sử dụng trong bài viết là kết quả của phỏng vấn sâu 120 người và 20 cuộc thảo luận nhóm trong 02 cuộc điều tra khảo sát tại hai cộng đồng nêu trên các năm 2019 - 2020 thuộc đề tài cấp Bộ “*Ứng phó với biến đổi khí hậu của người Hmông và người Thái ở tỉnh Sơn La*” do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Nguyễn Thẩm Thu Hà và TS. Phạm Thị Cẩm Vân làm đồng chủ nhiệm (2019-2020).

1. Biến đổi khí hậu và ảnh hưởng đến đời sống của người Thái

1.1. Các yếu tố biểu hiện của biến đổi khí hậu ở địa bàn nghiên cứu

Theo kịch bản BĐKH đến 2020, nhiệt độ trung bình ở tỉnh Sơn La tăng 0,4 - 0,65°C so với giai đoạn 1980 - 1999; nhiệt độ trung bình tính theo năm đến năm 2050 tăng từ 1 - 1,7°C; số ngày có nhiệt độ tối cao lớn hơn 35°C sẽ tăng lên, số ngày có nhiệt độ dưới 13°C sẽ giảm dần; tình hình này thể hiện rõ ở hai trạm đo Phù Yên và Mộc Châu (UBND tỉnh Sơn La, 2011). Như vậy, tỉnh Sơn La đã, đang và sẽ có những biểu hiện khác thường của BĐKH thời gian sau so với thời gian trước theo mức độ tiến triển dựa trên số liệu thực tế và dự báo về khí tượng thủy văn.

Tại trạm đo ở Phù Yên, nhiệt độ trung bình trong mùa đông tăng 0,7 - 1,1°C, mùa hè nền nhiệt tăng khoảng 0,5°C. Tần suất xuất hiện nhiệt độ cao từ 39°C đến hơn 40°C là 14 lần/10 năm, có lúc nhiệt độ lên tới 40,3°C, đặc biệt từ sau năm 2015. Các năm 2008 - 2018, số ngày nắng nóng/năm cũng có xu hướng gia tăng; nhiệt độ thấp dưới 10°C hầu như năm nào cũng xuất hiện, tần suất 27 lần/10 năm (Trạm khí tượng thủy văn Phù Yên, 2019). Tại trạm đo Mộc Châu, nhiệt độ cũng có xu hướng tăng. Số liệu từ năm 2007 đến 2017 cho thấy, nhiệt độ thấp dưới 10°C có tần suất xuất hiện 52 lần/10 năm, đặc biệt có năm nhiệt độ xuống dưới 0°C (năm 2016); nhiệt độ cao trên 34°C xuất hiện 5 lần/10 năm. Có thể thấy, sự chênh lệch nhiệt độ giữa mùa đông và mùa hè ở Mộc Châu là thấp hơn so với Phù Yên (Trạm khí tượng thủy văn Mộc Châu, 2019).

Ngoài tăng nhiệt độ, lượng mưa hàng năm ở tỉnh Sơn La cũng tăng theo thời gian: năm 2010, lượng mưa tại trạm Bắc Yên tăng 1,3%; trạm Sông Mã tăng 0,6%. Theo dữ liệu của cơ quan khí tượng thủy văn địa phương, dự báo đến năm 2050 lượng mưa tại hai trạm này sẽ tăng tương ứng là 4,7% và 2,2%, đến năm 2100 lần lượt là 6,4% và 2,4%.

Không chỉ gia tăng nhiệt độ và lượng mưa, ở Sơn La còn xảy ra hiện tượng khí hậu cực đoan như nắng nóng ngày càng gay gắt hơn. Huyện Phù Yên là một trong những nơi có số ngày nắng nóng cao nhất tỉnh với 43,4 ngày nắng nóng và 5,5 ngày nắng nóng gay gắt/năm. Trong khi rét đậm, rét hại lại xảy ra điển hình ở huyện Mộc Châu, cao điểm là nền nhiệt về mức 0°C - 2°C năm 2016. Tính chung toàn tỉnh Sơn La, số ngày rét đậm là 76,4

ngày/năm và 51,3 ngày rét hại. Tình trạng mưa lớn và rất lớn là hiện tượng thời tiết cực đoan ở nơi đồi núi dốc, cụ thể số ngày mưa lớn là 5 - 7 ngày/năm, số ngày mưa rất lớn có 0,5- 0,9 ngày. Do địa hình đồi núi dốc nên dễ xảy ra sạt lở đất. Mưa đá tại Phù Yên và Mộc Châu đã xuất hiện nhiều trong 5 năm qua, trung bình 0,4 - 1,1 ngày/năm có mưa đá. Mưa đá thường xuất hiện vào khoảng tháng 3 - 4 hàng năm, khi thời tiết chuyển từ mùa khô sang mùa mưa. Đặc biệt, từ năm 2017 trở lại đây, trên địa bàn huyện Phù Yên và Mộc Châu còn xuất hiện những trận mưa đá trái mùa không theo quy luật vào tháng 6. Đông, lốc là những hiện tượng thời tiết xuất hiện đột ngột, diễn ra trong thời gian ngắn và vào các thời điểm chuyển giao từ mùa khô sang mùa mưa. Tại tỉnh Sơn La, trung bình một năm có 50 - 70 ngày đông. Do hiện tượng áp thấp nhiệt đới và mưa, lũ hàng năm, nên hai huyện Phù Yên và Mộc Châu luôn bị ảnh hưởng trực tiếp của các loại thiên tai này, đặc biệt là giông, gió lốc, mưa lũ thường xuyên xảy ra từ cuối tháng 2 đến hết tháng 4 hàng năm; rồi đến mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt xảy ra từ đầu tháng 4 đến hết tháng 9 trong năm. Năm 2015 huyện Mộc Châu có những xã chưa từng xảy ra lũ ống, lũ quét thì nay có 2 - 3 trận. Tình hình mưa lũ ở Phù Yên và Mộc Châu ngày càng diễn biến phức tạp, xảy ra cục bộ ở một số xã, trong đó có hai xã Quang Huy và Tân Lập, gây thiệt hại lớn về tài sản, hoa màu của người dân.

1.2. Tác động của biến đổi khí hậu đến sinh kế và đời sống của người Thái

- Tác động đến hoạt động sinh kế

Thời tiết thay đổi với nhiệt độ tăng, mưa thất thường, hạn hán, lũ lụt đã tác động xấu đến trồng trọt của dân cư hai xã Quang Huy (Phù Yên) và Tân Lập (Mộc Châu). Cơ cấu cây trồng, lịch mùa vụ, kỹ thuật canh tác và tổ chức sản xuất của người Thái ở đây phải chuyển đổi để thích ứng với BĐKH. Tại bản Mo Nghè 2 (xã Quang Huy), trước đây nguồn nước cho trồng lúa nước của người Thái là nước suối, nước khe nhưng nay đã không đảm bảo do lượng nước giảm. Đặc biệt, lượng mưa cũng giảm trong vòng 10 năm qua, dẫn đến giảm thiểu nguồn sinh thủy tự nhiên ở địa phương, hoạt động sinh kế chính dựa vào lúa nước gặp khó khăn, sản lượng mùa vụ bị ảnh hưởng. Năm 2015, hiện tượng khô hạn vào tháng 5 - 6 khiến lịch gieo trồng vụ mùa ở Quang Huy chậm một tháng so với trước kia. Đầu năm 2016, băng giá xuất hiện khiến nhiệt độ xuống thấp, thóc giống gieo mạ không nảy mầm nên việc cấy lúa vụ chiêm bị chậm 15 - 20 ngày. Cuối năm 2019 đầu 2020, ở xã Quang Huy có mưa đá, rồi mưa rét rải rác trong tháng 1 - 3, thậm chí tháng 4 vẫn còn những đợt gió mùa, khiến cho việc gieo vụ chiêm chậm nhiều ngày so với lịch mùa vụ thông thường, do không “xuống” mạ được. Lịch làm mùa vụ lúa, ngô và các loại rau màu của người Thái ở bản Dội, xã Tân Lập cũng bị chậm gần 1 tháng so với trước năm 2010. Lý do là mùa mưa ở Tân Lập hiện nay bắt đầu từ tháng 7, muộn hơn 1 tháng so với 10 năm trở về trước, trong khi hầu hết các loại cây trồng ở cao nguyên này đều trông chờ vào mưa. Năm 2016, ở đây xảy ra băng tuyết trong tháng 2, người dân phải chờ đến tháng 3 mới có thể bắt đầu mùa vụ.

BĐKH còn ảnh hưởng đến kỹ thuật canh tác, nhất là việc chăm sóc lúa, hoa màu, cây ăn quả. Hạn hán năm 2015 với nắng nóng trung bình trên 35°C khiến người dân phải chống chọi với điều kiện làm việc trên ruộng nương trong ngày oi nóng hơn so với trước kia. Hoạt động dẫn thủy nhập điền truyền thống dựa vào nguồn nước suối tự nhiên cũng khó khăn. Nước suối Tác ở Phù Yên không đủ cung cấp cho vụ lúa chiêm, những hộ có ruộng ven suối Tác phải chia lịch đi “canh” nước vào ruộng để ruộng luôn có nước. Nhìn chung, từ năm 2010 đến nay, kỹ thuật canh tác cổ truyền của người Thái đã thay đổi bằng việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, gia tăng kinh phí mua phân bón, thuốc trừ sâu,... Trước đây, số ngày công bỏ ra chỉ để làm đất, gieo mạ, cấy và thu hoạch, nhưng tại thời điểm năm 2019, người dân xã Quang Huy ước tính số ngày công phải bỏ ra gấp đôi trên cùng một diện tích để phun thuốc, bón phân cho cây trồng.

Bên cạnh trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm cũng là nguồn sinh kế quan trọng của các hộ gia đình người Thái, nhằm cung cấp thực phẩm, phục vụ lễ tết, trao đổi hàng hóa, giải quyết việc làm, phân bón,... Những năm gần đây, BĐKH và thiên tai như hạn hán, lũ quét, lũ ống, rét đậm, rét hại... đã ảnh hưởng đến chăn nuôi của nhiều cộng đồng dân cư. BĐKH làm cho các hệ sinh thái thay đổi như đất đai, nguồn nước, đồng cỏ, hệ động thực vật, vi sinh vật đã tác động đến nguồn cung cấp thức ăn cho chăn nuôi. Hơn nữa, thời tiết cực đoan còn làm tăng tỷ lệ bệnh tật ở gia súc, gia cầm, có thời điểm đã làm chết không ít vật nuôi của các hộ gia đình tại các điểm nghiên cứu.

Do BĐKH tác động đến thu nhập từ sản xuất nông nghiệp không ổn định, nên nhiều lao động trong gia đình phải đi làm thuê, làm công nhân ở các công trường, khu công nghiệp để có thêm thu nhập cho chi tiêu. Tại bản Mo Nghè 2, xã Quang Huy, trong các gia đình người Thái, đa số đều có ít nhất 1 người rời quê đi làm thuê. Ở bản Dọi, xã Tân Lập, những năm 2017 - 2019, số lao động ở địa phương đi làm thuê, công nhân tại các tỉnh khác đã tăng lên. Xu thế nhiều nam giới đi làm ăn xa, dẫn đến phụ nữ Thái trở thành lực lượng lao động chính trên đồng ruộng, trong khi công việc nội trợ, chăm sóc con cái vẫn phải đảm nhiệm. Sự thay đổi này khiến phụ nữ Thái ít có thời gian rảnh để nghỉ ngơi, tham gia các sinh hoạt cộng đồng.

Ngoài ra, các hoạt động đổi công hay làm thuê theo thời vụ ở hai điểm nghiên cứu có lúc tăng, lúc giảm tùy thuộc vào điều kiện thời tiết, khí hậu. Trong khi, các dịch vụ liên quan đến nông nghiệp chủ yếu diễn ra ở cộng đồng người Thái ở Tân Lập. Qua tìm hiểu cho thấy, BĐKH đã tác động tới sản lượng, chất lượng hàng nông sản nên gián tiếp ảnh hưởng đến các dịch vụ thu mua, chở thuê hàng nông sản của người Thái ở đây. Hơn nữa, thời tiết nóng lên còn dẫn đến biến đổi các sản phẩm dệt, thời gian dệt của người Thái. Trước đây người Thái thường dệt vào bất kỳ thời điểm nào nhưng hiện nay chỉ làm vào lúc sáng sớm hoặc đêm muộn khi thời tiết mát hơn; các sản phẩm đặc trưng như mặt chăn, đệm không còn được đặt làm nhiều do nhu cầu người dân giảm khi nắng nóng kéo dài.

- Tác động đến đời sống cộng đồng

BĐKH và thời tiết cực đoan còn tác động đến chất lượng cuộc sống của cộng đồng người Thái tại hai điểm nghiên cứu. Điển hình năm 2014, lũ ống, lũ quét ở xã Tân Lập đã bồi lấp một số lớp học, gây hư hỏng trang thiết bị, làm gián đoạn việc dạy và học của thầy trò ở đây. Đợt lũ này còn tàn phá hệ thống thủy lợi và điện ở Tân Lập, gây đảo lộn cuộc sống của người dân. Đường sá bị sạt lở, một số cầu dân sinh bị cuốn trôi gây khó khăn cho giao thông đi lại. Những năm gần đây, mùa đông ở Tân Lập có sương mù nhiều ngày và dày đặc nên chỉ nhìn rõ được ở khoảng cách 1 - 2m, dễ xảy ra tai nạn khi tham gia giao thông. Những đợt rét đậm kéo dài thường kèm theo mưa phùn khiến đường sá trơn trượt cũng dễ gặp tai nạn khi đi xe trên đường. Còn ở xã Quang Huy, vào năm 2017, do mưa lớn kéo dài gây ra lũ quét, sạt lở đất nghiêm trọng. Tuy không có thiệt hại về người, song nhiều cơ sở vật chất của người dân bị ảnh hưởng. Trận mưa lũ năm đó kéo theo một khối lượng lớn bùn đất bị sạt lở, gây khó khăn cho giao thông đi lại; khuôn viên UBND xã và khu dân cư xung quanh bị ngập nước; hệ thống cung cấp nước sạch bị ảnh hưởng, khiến cho người dân không có nước sạch để sử dụng trong khoảng 1 tuần.

Do tác động của thời tiết, người dân đã phải thay đổi thời điểm đi làm nương, kể cả giờ giấc bữa ăn, sinh hoạt và sử dụng trang phục hàng ngày. Trước đây do nhiệt độ mùa đông và mùa hè ở Tân Lập không quá khác biệt nên người dân mặc trang phục truyền thống khi lao động và ở nhà đều thấy thoải mái, bởi mùa hè không bị nóng, mùa đông vẫn đủ để giữ ấm. Hiện nay, mùa hè thời tiết nắng nóng hơn, mùa đông nhiệt độ lại giảm sâu hơn, nên mặc bộ trang phục truyền thống đã không còn phù hợp. Theo nhiều người Thái, trang phục truyền thống của người phụ nữ Thái có áo bó sát cơ thể và váy dài, trang phục nam giới người Thái thì dày nên mặc trong những ngày nắng nóng khá bất tiện. Hay việc ở nhà sàn là nét đặc trưng chung của người Thái, nhưng thời tiết thất thường khiến nhiều gia đình người Thái, nhất là người Thái ở bản Mo Nghè 2, xã Quang Huy đã thay đổi loại nhà truyền thống, nguyên vật liệu và cách bố trí mặt bằng sinh hoạt. Theo đó, một số phong tục, tri thức liên quan đến nhà ở cũng mai một dần.

Các đợt nắng nóng kéo dài còn tác động đến sức khỏe con người, làm gia tăng một số nguy cơ bệnh tật đối với người già, trẻ em. Người già hay bị đau nhức xương khớp, viêm phổi vào mùa đông, cao huyết áp vào mùa hè; trẻ em bị viêm họng, viêm phế quản, ho, sốt, bị cước tay chân, viêm cơ (mùa đông), bệnh thủy đậu (mùa hè). Thời tiết nóng lên dễ gây ra một số bệnh nhiệt đới như sốt xuất huyết..., do tăng tốc độ sinh trưởng và phát triển nhiều vi khuẩn, vật chủ mang bệnh. Qua phỏng vấn cán bộ y tế xã Quang Huy cho biết, 5 năm trở lại đây, người dân xã này đến khám và điều trị tại trạm y tế luôn ở mức cao, đều đạt trên 5.000 lượt khám chữa bệnh/năm. Vào thời điểm giao mùa hoặc rét đậm rét hại kéo dài, số lượt người dân đi khám tăng hơn so với những tháng khác trong năm. Tiêu biểu năm 2016, khi có đợt rét đậm rét hại kéo dài, các ca bệnh đều tăng so với những năm trước, đã có tới 273

trường hợp mắc bệnh cúm, 38 trường hợp mắc bệnh viêm phổi, 71 ca mắc bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp trên, 235 ca mắc tăng huyết áp. Tương tự ở xã Tân Lập, trong 5 năm trở lại đây, số lượt người đến khám chữa bệnh tại trạm y tế xã đều tăng qua từng năm, như năm 2015 có 4.385 lượt khám, năm 2019 đã tăng lên 5.166 lượt. Đặc biệt các năm 2016 - 2017, khi xảy ra hiện tượng tuyết rơi bất thường, số người mắc bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp trên tăng mạnh từ 913 ca năm 2015 lên 2.530 ca năm 2016 và 3.944 ca năm 2017; thậm chí trong hai năm này đã có 10 người tử vong do mắc bệnh viêm phổi và viêm phế quản, trong khi năm 2015 chỉ có 2 trường hợp tử vong vì căn bệnh này.

Người Thái có nhiều nghi lễ tín ngưỡng nông nghiệp và những năm qua vẫn được duy trì. Song, do thay đổi sản xuất nông nghiệp, lịch mùa vụ dưới tác động của thời tiết và khí hậu, nên nhiều hoạt động lễ hội liên quan cũng dần chuyển đổi theo, có nhiều nghi lễ đã mai một. Theo người Thái ở xã Quang Huy, hiện nay họ chỉ còn làm lễ cầu mùa hay Tết *Xíp xí* hàng năm, các nghi lễ khác chỉ một số ít gia đình còn thực hiện. Một số lễ nghi quan trọng như lễ cầu mưa, cúng ma rừng, ma nương, ma ruộng đã mai một từ nhiều năm. Dịp Tết cổ truyền cũng thường đúng thời điểm giá rét nên đã hạn chế người dân tham gia các sinh hoạt văn hóa do địa phương tổ chức, đi thăm chúc tết bạn bè, họ hàng ở xa. Ngày hội hái quả ở Mộc Châu thường tổ chức vào tháng 5 âm lịch hàng năm để người trồng mận trên địa bàn huyện mang đến những quả mận vườn nhà tham gia “trưng bày” ở lễ hội, nhưng năm 2018, do mưa đá gập vào lúc thu hái mận khiến nhiều cây mận bị rụng 100% nên ngày hội hái quả ở Mộc Châu không thể diễn ra.

2. Ứng phó với biến đổi khí hậu của người Thái

2.1. Hoạt động sinh kế thích nghi với bối cảnh mới

- Chuyển đổi lịch thời vụ, cơ cấu và kỹ thuật chăm sóc cây trồng

Trước những thiệt hại do BĐKH gây ra, người Thái đã thay đổi cơ cấu và giống cây trồng, lịch mùa vụ, kỹ thuật canh tác, kể cả tổ chức sản xuất và tìm kiếm các nguồn lực hỗ trợ từ bên ngoài để thích ứng. Song, ở mỗi địa phương người Thái lại có những biện pháp ứng phó khác nhau phù hợp với điều kiện canh tác về đất đai, thổ nhưỡng, nguồn nước,...

Hiện nay, cơ cấu cây trồng của người Thái bản Mo Nghè 2 đã thay đổi theo hướng: (i) Giảm diện tích ngô và lúa nước, mở rộng diện tích cây ăn quả có múi trên đất đồi và đất rừng cũ; (ii) Chuyển một phần diện tích đất lúa sang trồng cỏ voi; (iii) Tăng diện tích cây rau màu. Trước năm 2014, hầu hết diện tích đất của bản được trồng cây lấy gỗ, nhất là keo và bạch đàn, nhưng phải 6 - 8 năm sau mới cho thu hoạch. Nhờ học hỏi từ các xã lân cận nên người Thái ở đây từng bước chuyển đổi giống cây trồng, trong đó cây bưởi, nhãn, xoài, mít thái, cam, quýt đường rất thích hợp với khí hậu nóng đã bước đầu cho hiệu quả kinh tế. Ngoài ra, người Thái nơi đây còn chuyển một phần đất trồng lúa bạc màu, thiếu nước sang

trồng cỏ voi, hiện nay toàn xã Quang Huy đã có khoảng 120 hộ áp dụng mô hình này. Hộ trồng trung bình vài trăm m² nhưng có trường hợp đã trồng cỏ trên toàn bộ đất lúa vì thời tiết thất thường khiến năng suất lúa không ổn định mà chi phí cho phân bón, thuốc trừ sâu lại tăng. Theo người Thái, 1.000m² đất trồng cỏ voi cho thu hoạch 6 - 7 lần/năm, với tổng năng suất khoảng 7 tấn tương đương 6 triệu đồng. Mô hình này vừa giúp đảm bảo nguồn thức ăn cho phát triển đàn bò, vừa giảm rủi ro từ nguồn thức ăn kém chất lượng khi thả rông. Bên cạnh đó, người Thái ở Mo Nghè 2 còn tăng diện tích trồng rau màu, bởi vì xã Quang Huy hiện có khoảng 15ha đất trồng lúa vụ chiêm thường xuyên thiếu nước do nằm xa suối Tắc nên người dân đã chuyển sang trồng bí xanh, ngô, đậu, khoai tây,...

Người Thái ở Bản Dọi cũng đã thay đổi cơ cấu cây trồng bằng cách: (i) Tăng diện tích cây rau màu, cây ăn quả nhiệt đới và giảm diện tích trồng ngô lấy hạt; (ii) Đa dạng hóa nhiều loại cây trồng trong năm; (iii) Giữ ổn định diện tích trồng chè. Năm 2015, do nhiệt độ tăng nên người dân đã sử dụng một phần đất trồng ngô trên đất dốc để trồng các cây ăn quả ưa nóng như cam, hồng giòn, bưởi,... Từ năm 2016, họ mở rộng đất trồng chanh leo: ban đầu mỗi bản có khoảng 10 hộ trồng, mỗi hộ trồng 100 - 200 gốc; đến năm 2018 cả bản Dọi 1 và bản Dọi 2 đã có khoảng 200ha chanh leo và nhiều hộ đã có thu nhập đáng kể. Năm 2019, do trời nắng nhiều, mưa ít nên chanh bị hỏng, đầu năm 2020 một số hộ tận dụng giàn chanh đã hỏng để trồng bí xanh, đậu đỗ, bí đỏ. Cây bí chịu nắng hơn chanh leo nên cho sản lượng tốt, thời gian sinh trưởng cây bí lại ngắn hơn cây chanh nên ít bị ảnh hưởng khi thời tiết thay đổi. Riêng số đất trồng lúa nước không canh tác được vào mùa khô người Thái trồng bổ sung một vụ ngô lấy thân cây non để ủ làm thức ăn chăn nuôi gia súc. Theo ước tính, gần 90% diện tích đất lúa nước ở Tân Lập, bao gồm bản Dọi là lúa một vụ mùa, trồng và thu hoạch khoảng tháng 7 - 11, do đó trước đây thường bỏ hoang vụ chiêm, nhưng từ năm 2015 người Thái trồng xen cây ngô, đậu, bí trên đất lúa đó. Trung bình, mỗi hộ có khoảng 1.500m² đất lúa nước, họ sử dụng 2/3 diện tích ấy để trồng thêm 1 vụ ngô ủ ướp thay vì chỉ thu hoạch được một vụ lúa đủ để cung cấp nhu cầu của gia đình. Sự chuyển đổi này khá phù hợp vì giúp người dân tăng thêm thu nhập, tạo thêm nguồn vốn đầu tư cho các cây trồng khác. Bên cạnh đó, người Thái ở bản Dọi vẫn duy trì cây chè trên diện tích đã có từ trước đây.

Như đã đề cập, người Thái tại các điểm nghiên cứu còn thay đổi lịch mùa vụ và phương thức canh tác. Lịch mùa vụ ở thời điểm nghiên cứu đã khác nhiều so với 10 năm trước, nhưng chủ yếu đối với các cây trồng ngắn ngày, cây trồng lâu năm như chè, mận thì lịch mùa vụ ít thay đổi. Hiện nay, các loại rau, đậu, đỗ, củ cải gieo trồng sớm hơn và sử dụng giống ngắn ngày; lúa nương gieo vào tháng 5 và thu hoạch vào tháng 11, chậm hơn khoảng 1 tháng so với trước năm 2010. Cây ngô trước đây chỉ làm 1 vụ, nhưng đến năm 2009 đã trồng 2 vụ để làm thức ăn nuôi bò sữa. Đặc biệt, các loại rau, quả như su su, cải bắp thường trồng trái vụ vào tháng 3 - 4 hàng năm nhằm tránh mưa đá, sương muối. Việc thay đổi mùa vụ này đã giúp người Thái có thêm nguồn rau quả để bán cho thương lái cung cấp đến các chợ đầu mối cấp tỉnh, siêu thị ở Hà Nội.

Thay đổi rõ nét nhất là việc lựa chọn giống cây trồng phù hợp có khả năng chịu hạn, gió lốc, nhiệt độ bất thường nhằm giảm thiểu thiệt hại từ thời tiết thay đổi. Tại xã Quang Huy, người Thái hay chọn giống lúa PC15, JO2, Đài Thơm 8; người Thái ở bản Dọi, Tân Lập đã thay các giống lúa 302, Hang Trùng bằng giống 86, 87 (lúa nếp) và BC 15, Nhị Ưu (lúa tẻ). Người dân thường đổi giống lúa sau 2 năm canh tác, nhằm hạn chế bệnh dịch, đảm bảo năng suất. Cùng với lúa nước, các giống ngô hiện nay được gieo trồng là GH9, K54, K67; bởi các giống mới này cây bẹ cao, thân to, nhất là thời gian sinh trưởng ngắn, phù hợp với thời tiết thay đổi thất thường. Bên cạnh đó, giống chè San Tuyết truyền thống được trồng ở Tân Lập đã từng bước thay thế bằng giống mới nhập nội của Đài Loan là Bát Tiên, Kim Tuyên. Hiện nay, khoảng 80% hộ người Thái ở bản Dọi trồng hai giống chè này với diện tích khoảng 48ha, trung bình mỗi hộ có 3.500m². Theo người dân, hai giống chè mới thích ứng tốt hơn với sương muối, khô hạn. Các giống hạt rau nhiệt đới mà người dân mua tại Trung tâm giống cây trồng ở thị trấn Nông trường Mộc Châu đều thích nghi với điều kiện thời tiết khắc nghiệt hơn. Về cây ăn quả, người Thái bắt đầu đa dạng hóa giống cây trồng nhằm hạn chế thiệt hại, rủi ro từ thời tiết cũng như đáp ứng nhu cầu khác nhau của thị trường. Họ đã chủ động hơn với việc mua giống từ các vườn ươm có uy tín ở các tỉnh miền xuôi, đặc biệt là của Học viện Nông nghiệp Hà Nội.

Ngoài ra, người Thái còn chú ý đến kỹ thuật chăm sóc, hình thành các mạng lưới xã hội để ứng phó với BĐKH trong trồng trọt. Trước 2012, người Thái ở Mo Nghè 2 không gieo mạ theo truyền thống mà áp dụng kỹ thuật gieo sạ mới, nhưng do thời tiết không theo quy luật khiến hạt thóc không nảy mầm đều nên từ năm 2012 đến nay các hộ dân lại gieo mạ và cấy lúa. Hơn nữa, người dân còn chủ động phòng, chống sâu bệnh bằng cách bón phân, dùng thuốc trừ sâu phù hợp với từng loại cây trồng; tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật do chính quyền địa phương tổ chức, kể cả sử dụng mạng lưới xã hội họ hàng hay bạn bè. Người Thái chiếm đa số ở xã Quang Huy, nên quan hệ họ hàng giúp họ chia sẻ kinh nghiệm làm ăn. Hầu hết các hộ tiên phong phát triển cây ăn quả như bưởi, nhãn từ năm 2016 đều học kinh nghiệm của họ hàng, bạn bè ở các xã Mường Thái, Mường Cơi, Tân Lang thuộc huyện. Tại Tân Lập, năm 2018 hợp tác xã Cao Sơn được thành lập đã thúc đẩy mối liên kết giữa người nông dân với thị trường. Hợp tác xã đã liên kết với các công ty vật tư nông nghiệp để cung cấp phân bón, giống, thuốc trừ sâu; chia sẻ, tập huấn kỹ thuật canh tác, chăm sóc rau, ngô lai cho các hộ người Thái; liên kết với siêu thị Big C để bao tiêu đầu ra với rau bắp cải, cà chua. Hay công ty chè Mộc Châu và công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu đã đầu tư, hỗ trợ cho hộ gia đình vùng nguyên liệu giống chè mới, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, kỹ thuật canh tác và thu mua ngô non để nuôi bò sữa. Điều đó giúp người dân có thể chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thay giống mới, tổ chức mùa vụ hướng tới thị trường.

- Chuyển đổi con giống và áp dụng kỹ thuật mới để phát triển chăn nuôi

Chuyển dịch cơ cấu vật nuôi để phù hợp với BĐHK là cách ứng phó đặc trưng của người Thái ở cả hai điểm nghiên cứu. Người Thái ở Quang Huy chuyển từ nuôi trâu sang nuôi bò vàng, còn người Thái ở Tân Lập thì nuôi bò lai sind vì chúng thích nghi tốt hơn với điều kiện khí hậu của địa phương và cho hiệu quả kinh tế cao. Năm 2020, cả bản Dọi, xã Tân Lập có số bò nhiều nhất xã với 500 con. Người Thái còn nuôi dê, bởi có ưu thế về giá trị kinh tế, sức chống chịu với thời tiết, dịch bệnh. Ngoài ra, người Thái cũng lợi dụng nguồn nước tự nhiên để đào ao nuôi cá, chỉ riêng bản Mo Nghè 2 năm 2019 có khoảng 30 ao cá, mỗi ao rộng 150 - 200m². Các giống cá được chọn là chép, trắm, trôi, trê, rô phi... được mua ở trại cá giống của huyện. Khi chuyển dịch cơ cấu vật nuôi, người Thái cũng thay đổi kỹ thuật chăm sóc, kiên cố hóa chuồng trại tại khu chăn nuôi để vật nuôi tránh rét, tránh nóng, giảm dịch bệnh. Năm 2019, ở bản Mo Nghè 2, 100% hộ dân đều làm chuồng cho đàn gia súc; mùa đông chăn dắt gia súc muộn và về sớm hơn 1 - 2 tiếng so với mùa hè. Thức ăn gia súc ở Tân Lập hiện tại đã kết hợp tinh bột với cỏ khô cho những con bò nhốt chuồng, giúp vật nuôi có đủ dinh dưỡng và chất đề kháng tốt. Mùa hè do nóng kéo dài dễ khiến vật nuôi bỏ ăn và mắc bệnh viêm da nên người dân hay dùng vôi dẫn nước tắm cho vật nuôi 1 - 2 lần/ngày và bổ sung thêm nước vào chế độ ăn. Để tăng dinh dưỡng cho vật nuôi khi nguồn thức ăn tự nhiên khan hiếm, người Thái ở xã Quang Huy đã trồng cỏ voi trên một số đất nương để cho bò ăn. Ngoài ra, việc tìm kiếm, dự trữ cỏ phơi khô, rom rạ cho vật nuôi trong mùa đông cũng được người dân thực hiện. Riêng việc nuôi trồng thủy sản, thời gian cho ăn trong ngày cũng sớm hơn, vì họ tranh thủ lúc 6 - 7h sáng trước khi đi làm. Theo họ, lượng thức ăn cho cá vào mùa đông nhiều hơn mùa hè, vì mùa hè cá ăn ít, thậm chí bỏ ăn nếu trời nắng nóng, vì vậy cho quá nhiều thức ăn sẽ dư thừa dẫn đến ô nhiễm nước. Khi nắng nóng và khô hạn, thiếu nguồn nước mót, người dân sử dụng máy bơm sục và nạo vét lòng ao một lần/năm, việc nạo vét đáy ao/năm chỉ mới tiến hành khoảng 5 năm trở lại đây do mưa thất thường và nước bản đem theo bùn đất thường xuyên chảy vào kênh mương và ao.

Ngoài các biện pháp trên, người Thái còn áp dụng kỹ thuật phòng, chữa bệnh cho gia súc, gia cầm theo khuyến cáo của cán bộ thú y cơ sở để ứng phó với diễn biến thất thường của thời tiết. Những khi chuyển mùa, họ chủ động khử trùng chuồng trại bằng thuốc tím (Iotdin) hoặc Chloramine khi có thông tin thông báo về dịch bệnh. Thuốc kháng sinh, vitamin các loại cũng được sử dụng ngày càng nhiều cho nuôi trồng thủy sản, gồm các loại trộn vào thức ăn. Tiêm phòng vật nuôi được thực hiện đều đặn, mỗi năm hai đợt trên gia súc lớn, một đợt trên gia cầm, việc làm này dần tạo nên ý thức cho người dân trong việc phòng bệnh cho vật nuôi. Theo báo cáo của trạm Thú y xã Tân Lập, bản Dọi có kết quả tiêm phòng tương đối cao và là một trong những bản có tỷ lệ tiêm cao nhất trong toàn xã. Tỷ lệ chữa khỏi các bệnh thông thường như lở mồm long móng, tụ huyết trùng... trên đại gia súc lên tới 50 - 80% trở lên trên gia cầm.

Một biện pháp khác được người Thái áp dụng là thường xuyên trao đổi, học hỏi kinh nghiệm với họ hàng, bạn bè trong chọn giống vật nuôi có sức đề kháng cao trước sự thay đổi của thời tiết cũng như có được thông tin về cách thức chọn giống, địa điểm mua giống hoặc là nơi cung cấp nguồn giống tin cậy, đặc biệt là việc nhân rộng mô hình nuôi dê như hiện nay.

- Những hoạt động phi nông nghiệp khác

Để tăng thêm thu nhập cho gia đình trong điều kiện bị ảnh hưởng của BĐKH và thời tiết cực đoan, người Thái có những ứng phó dựa trên sự đa dạng các ngành nghề. Những lao động không kiếm việc làm tại địa phương hoặc ngày công thấp thì đi làm ở các khu công nghiệp, đô thị trong và ngoài tỉnh; đầu tư vốn nhỏ để bán hàng tạp hóa, làm nghề thủ công truyền thống;... Đa phần nam giới đều đi làm thuê ở Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh..., và họ có thể dành dụm gửi về cho gia đình 60.000.000 đồng/người/năm. Riêng nữ giới ở bản Mo Nghè 2 thì đa số làm công nhân tại các công ty ở địa phương, nhất là công ty may da giày Ngọc Hà (thuộc xã Quang Huy), cho thu nhập khoảng 4 triệu đồng/tháng, nếu làm tăng ca có thể đạt 5 - 6 triệu đồng/tháng. Trong khi, nữ giới người Thái ở bản Dọi không làm các công việc có thời gian cố định như công nhân mà chỉ nhận hái chè tại địa phương hay các hoạt động nông nghiệp sau khi đã hoàn tất việc đồng áng của gia đình. Hiện tại, ở bản Dọi có khoảng 20 người nữ đi hái chè thuê cho xưởng chè Bản Dọi, một số khác thì hái chanh leo thuê với thu nhập theo ngày công, trung bình 150.000 - 200.000 đồng/ngày (Phạm Thị Cẩm Vân, 2020a).

Hiện nay, phụ nữ Thái ở xã Quang Huy vẫn duy trì nghề dệt, cả bản Mo Nghè 2 có 5 tổ dệt, mỗi tổ 6 người. Để ứng phó với BĐKH, nhiều nghệ nhân phải dùng sợi công nghiệp thay cho sợi tự nhuộm để giảm bớt thời gian nhuộm và dệt vải, tăng sản phẩm dệt. Sản phẩm dệt cho thu nhập cao nhất là mặt chăn, trung bình một phụ nữ Thái dệt khoảng 4 ngày được một mặt chăn, trừ các chi phí mua sợi, mỗi mặt chăn lãi 300.000 đồng. Tuy nhiên, do nhiệt độ ngày càng tăng, nhu cầu về mặt chăn không nhiều, nên người Thái chuyển sang dệt vải thô kẻ hoặc trắng và dây thắt lưng (Phạm Thị Cẩm Vân, 2020b).

Một số gia đình người Thái ở bản Dọi thu mua hàng nông sản tại địa phương, hoạt động này diễn ra quanh năm nhưng nhiều nhất là các tháng 7 - 9. Trong các tháng này, trung bình một ngày gia đình thu mua và chuyển ra thị trấn 3 chuyến, mỗi chuyến 3 tấn rau, củ, quả. Các tháng còn lại họ chỉ thu mua được 1 chuyến/ngày. Để giảm thiểu những thiệt hại khi thu mua hàng nông sản, một số hộ đã thuê một nhà xưởng ở gần điểm thu mua nhằm rút ngắn quãng đường vận chuyển hàng hóa nếu gặp mưa gió bất lợi, nhất là có chỗ để bảo quản hàng khi chưa mang được ra thị trấn bán.

2.2. Ứng phó với biến đổi khí hậu trong đời sống sinh hoạt

Để ứng phó với BĐKH và thiên tai trong đời sống sinh hoạt, người Thái có nhiều cách phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro. Họ duy trì cách làm vườn truyền thống để đảm bảo thực phẩm cho bữa ăn hàng ngày như trồng các loại rau, cây gia vị ở vườn nhà; trồng xen canh

nhiều loại rau, củ ngoài ruộng, trên nương để đủ phục vụ cho gia đình và đem bán lấy tiền mua các hàng tiêu dùng khác. Theo tập quán kinh tế tự túc, gia đình người Thái ở các điểm nghiên cứu đều có dự trữ lương thực, thực phẩm cần thiết. Riêng thực phẩm, họ ướp muối đem đựng trong chum sành, gùi lát trấu hoặc lá khô sau đó bịt ni-lông, kể cả ướp muối đem phơi hoặc sấy khô trên gác bếp để sử dụng khi mưa lũ, thiên tai, thời tiết cực đoan không thể đi mua bán. Giờ giấc các bữa ăn nay được chú ý hơn, người cao tuổi, trẻ em thì ưu tiên ăn uống đúng giờ và đủ bữa. Họ cũng chú ý đến những món ăn có tính mát giúp đảm bảo sức khỏe cho các thành viên gia đình.

Nhằm khắc phục giá rét mùa đông và nắng nóng mùa hè, người Thái lựa chọn ăn mặc như người Kinh vừa thuận tiện trong sinh hoạt, sản xuất, vừa đảm bảo sức khỏe khi thời tiết thất thường. Vì thế, đồ mặc cho nam giới hiện nay có sẵn và được may bằng nhiều chất liệu với các mẫu mã thích nghi với thời tiết biến đổi. Mùa hè họ lựa chọn loại trang phục rộng rãi, thoáng mát; áo chống nắng, găng tay, khẩu trang, mũ đội đầu được nhiều người sử dụng thường xuyên khi đi làm, kể cả trong sinh hoạt. Mùa đông giá rét, họ mặc áo len, áo khoác, đi giày, tất, đeo bao tay để giữ ấm cơ thể. Phụ nữ Thái bản Mo Nghè 2 vẫn dệt các loại vải của họ để vừa may khâu đồ mặc cho các thành viên gia đình, vừa làm ra các chăn, đệm, gối sử dụng trong mùa đông.

Về nhà ở, để ứng phó với thời tiết cực đoan, tránh bão, lũ, gió lốc, người Thái hiện nay không có thể chọn những loại gỗ tốt như nghiến, trò chỉ... làm cột nhà sàn như trước đây, vì rừng đã giao cho hộ gia đình quản lý, không được tự do khai thác. Do đó, nhiều hộ gia đình Thái ở Quang Huy đã làm nhà xây lợp ngói hoặc mái đổ bê tông trần cao, vì thời tiết nắng nóng nếu làm nhà xây trần cao với sàn lát xi măng hoặc lát gạch hoa sẽ dùng điều hòa dễ dàng và tiết kiệm hơn nhà sàn. Song, một số nhà sàn bằng gỗ tốt như gỗ lim, trò chỉ trước đây nay vẫn tận dụng làm khung nhà và sửa sang lại cho phù hợp với điều kiện thời tiết mới. Nhà sàn lợp tranh nay thay bằng ngói; lát sàn bằng vầu thì thay bằng gỗ; phần gầm sàn được xây tường che kín; trần ốp gỗ, nhựa hay xốp. Khi trời nắng nóng, những gia đình có điều kiện vẫn có thể dùng điều hòa ở phòng tầng trệt của ngôi nhà sàn. Còn người Thái ở Tân Lập tuy vẫn ở nhà sàn nhưng đã thay đổi để ứng phó với BĐKH đang diễn ra như mái nhà chuyển sang lợp bằng phipro xi-măng hay ngói xi-măng do chống chịu mưa đá tốt hơn ngói đất nung. Đặc biệt, một số hộ đã sử dụng tôn sắt tuy nóng vào mùa hè và gây tiếng ồn khi mưa nhưng được khắc phục bằng cách ốp trần gỗ hoặc xốp tùy vào điều kiện kinh tế mỗi gia đình. Ngoài ra, để tránh ngập lụt, ẩm mùa mưa lũ và thoáng mát vào mùa hè, người Thái còn nâng sàn bằng cột bê tông. Khu vực gầm sàn là một khoảng không gian khá rộng với nhiều tiện ích như để nông sản; cất giữ phương tiện đi lại; làm sân chơi cho trẻ em và để khung cửi dệt vải, thậm chí nghỉ ngơi vào buổi trưa nóng.

Riêng đi lại, người dân hạn chế ra ngoài, vận chuyển hàng hóa khi sương mù dày đặc, nhiệt độ xuống thấp, trời giá rét để an toàn. Nếu phải đi ra ngoài, họ chú ý quan sát đường đi để tránh tai nạn, trời rét thì mặc ấm, đeo bao tay để tránh lạnh cóng, ảnh hưởng đến khả năng lái xe.

Đối với học hành của con cái, một số gia đình luôn chuẩn bị mũ, áo mưa cho con mang đi học đề phòng trời mưa, nắng bất chợt. Họ còn theo dõi, cập nhật thời tiết trên ti vi, điện thoại thông minh cũng như hệ thống loa phát thanh của bản để chủ động hơn trong việc đưa đón con em đi học. Do sinh sống tập trung theo dòng họ nên nhiều gia đình người Thái thường thay phiên nhau đưa đón con đi học trong những ngày mưa rét hoặc quá nắng nóng. Hình thức đưa đón này vừa đảm bảo trẻ đến trường an toàn vừa không ảnh hưởng đến công việc đồng áng của cha mẹ.

Khi có người mắc các bệnh thông thường như cúm, ho, sốt, viêm mũi dị ứng, họ thường tự mua thuốc ở các hiệu thuốc về uống tại nhà. Nếu bệnh nặng hơn thì đến khám tại trạm y tế xã hoặc đưa tới bệnh viện huyện để được chữa trị. Đến nay, người Thái còn có một số kinh nghiệm dân gian để điều trị khi mới mắc bệnh thông thường: nếu bị ho thì lấy rễ cây *xóm lôm* đun lên uống; bị sốt thì lấy lá cây *tảo clâm mỗ* xoa khắp người,... Đặc biệt, người Thái ở Mo Nghè 2 vẫn thường xuyên sử dụng cây rễ đỏ để nấu nước uống giải nhiệt vào mùa hè.

3. Một số kiến nghị nhằm nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu

Qua nghiên cứu về thực trạng và cách thức ứng phó với BĐKH của hai cộng đồng người Thái ở tỉnh Sơn La trong 5 năm qua, bài viết đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao năng lực cho cộng đồng trong ứng phó và thích nghi với BĐKH trong điều kiện hiện nay như sau:

Một là, người Thái ở Mo Nghè 2 và bản Dọi không có nhiều khác biệt về giải pháp ứng phó với BĐKH và các hiện tượng thời tiết cực đoan. Hiện nay, hai cộng đồng này vẫn dựa trên đa dạng sinh kế để tăng thu nhập, hạn chế phụ thuộc vào tự nhiên. Do đó, người Thái ở bản Dọi cần phát triển du lịch cộng đồng; xây dựng vùng chuyên canh cây ăn quả, rau, chè hướng tới thị trường; đầu tư nâng cấp hệ thống cấp nước cho cộng đồng. Còn người Thái ở bản Mo Nghè 2 cần tiếp tục phát triển đa canh, xen vụ trong trồng trọt, phát triển đàn dê, bò. Khi quy hoạch đô thị cần lưu ý về sức ép dân số, đặc điểm địa hình, dòng chảy để giảm thiểu thiệt hại do thiên tai.

Hai là, cần quan tâm đến thông tin truyền thông để nâng cao nhận thức về các giải pháp ngắn hạn, dài hạn và những vấn đề liên quan đến BĐKH, ứng phó với BĐKH tại địa phương. Các hoạt động văn hóa cần tổ chức mở rộng để thu hút người dân tham gia gắn kết, chia sẻ thông tin giữa các thành viên, từ đó vận dụng nhằm ứng phó tốt hơn với những tác động của BĐKH ở địa phương. Cần nâng cao khả năng tiếp cận các hoạt động đào tạo, tập huấn ứng phó với BĐKH cùng những giải pháp về tổ chức, tài chính... dưới sự chỉ đạo của

chính quyền địa phương.

Ba là, cần tận dụng các giá trị tri thức địa phương trong thích ứng với BĐKH đã có hữu ích nhất định tuy chưa thể giải quyết tất cả thách thức do BĐKH gây ra, vì tri thức địa phương chỉ phản ánh các giá trị văn hóa của người dân ở một không gian địa lý cụ thể. Trong khi BĐKH có thể làm gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan và có những tác động khác chưa từng xảy ra, do vậy cần kết hợp với tri thức khoa học, công nghệ hiện đại. Thành lập các tổ nhóm để chia sẻ, giúp đỡ nhau trong sản xuất để ứng phó với BĐKH có sử dụng tri thức địa phương, sử dụng có hiệu quả các nguồn tín dụng trong các hoạt động ứng phó với BĐKH dựa vào cộng đồng.

Bốn là, chú trọng đến vấn đề sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động ứng phó với BĐKH sẽ mang lại những hiệu quả thực chất hơn cho cộng đồng. Hơn nữa, phát huy vai trò của giới sẽ tạo cơ sở cho cộng đồng thích nghi tốt hơn với bối cảnh của BĐKH và các kịch bản phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương trong tương lai.

Năm là, cải tạo, xây dựng mới hệ thống cơ sở hạ tầng để nâng cao năng lực ứng phó của người dân, như: kiên cố hóa các nhà cộng đồng để làm điểm tránh rét, tránh lũ; nâng cấp hoạt động y tế cộng đồng nhằm tăng khả năng thụ hưởng chăm sóc y tế; tập trung xây dựng hạ tầng cơ sở phục vụ sản xuất nông nghiệp và hệ thống giao thông để người dân có khả năng mở rộng các loại hình sinh kế, đa dạng nguồn thu nhập, ổn định đời sống kinh tế.

Kết luận

Những năm gần đây, BĐKH ngày càng diễn biến phức tạp tại miền núi và vùng TNTS. Hiện tượng nhiệt độ tăng, thay đổi chế độ mưa, lượng mưa và các hiện tượng thời tiết cực đoan có xu hướng bất thường về tần suất, cường độ và mức độ gây ra những thiệt hại lớn, nhất là các cộng đồng sinh sống ở thung lũng, ven sông suối. Riêng hai cộng đồng người Thái ở Sơn La được nghiên cứu, các hoạt động sinh kế và đời sống sinh hoạt đang chịu tác động rất lớn của BĐKH. Cùng với đó, các hiện tượng thời tiết cực đoan, giông, lốc, mưa đá, lũ lụt bất thường còn đe dọa tính mạng, sức khỏe, tài sản, an ninh lương thực, đi lại, thu nhập... của người dân.

Trong bối cảnh tác động của BĐKH và thiên tai, người Thái ở hai điểm nghiên cứu đã có những biện pháp ứng phó phù hợp dựa trên các kinh nghiệm được tích lũy qua nhiều năm nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu các thiệt hại do BĐKH và thiên tai gây ra. Trong trồng trọt, họ thay đổi cơ cấu cây trồng, kỹ thuật canh tác và nông lịch; trong chăn nuôi, họ áp dụng các giống vật nuôi mới, thay đổi cách chăm sóc, tận dụng các nguồn lực hỗ trợ,... Đặc biệt, đồng bào còn đa dạng hóa các hoạt động sinh kế khác như đi làm thuê, bán hàng tạp hóa,... Trong đời sống sinh hoạt, họ gia cố nhà cửa, chuồng trại, dự trữ lương thực, thực phẩm, cập nhật diễn biến thời tiết để chủ động chăm sóc sức khỏe, học hành của con cái, tương trợ nhau trong đời sống và sản xuất.

Cách ứng phó với BĐKH của người Thái mang lại kết quả đáng ghi nhận, nhưng do đặc điểm cư trú không thuận lợi, đời sống kinh tế khó khăn, nhận thức của mỗi cá nhân, tổ chức và cộng đồng về việc giảm thiểu các thiệt hại do BĐKH còn hạn chế. Việc vận dụng các tri thức và trải nghiệm thực tế vẫn còn thiếu bền vững, nên những cách ứng phó đó của người Thái chủ yếu là tạm thời, ngắn hạn. Trong khi, các biện pháp mang tính lâu dài như chuyển đổi sinh kế, áp dụng kỹ thuật công nghệ theo hướng hữu cơ, chuyển dịch cơ cấu sản xuất kinh tế hộ hướng đến kinh tế thị trường nhiều hơn còn chưa được người dân quan tâm đúng mức.

Hiện nay, việc áp dụng các kịch bản lồng ghép phát triển kinh tế - xã hội với ứng phó của BĐKH tuy đã xây dựng ở cấp độ huyện và xã, nhưng ở cộng đồng còn chưa thực thi. Thời gian tới, với những diễn biến khó lường của BĐKH và thời tiết, ngoài việc tiếp tục nâng cao tính chủ động, năng lực tổ chức trong cộng đồng, tiếp cận các hoạt động đào tạo, tập huấn, truyền thông, kết hợp tri thức địa phương với công nghệ hiện đại, phát huy vai trò giới thì vấn đề thực thi kịch bản ứng phó với BĐKH tại cộng đồng bởi hệ thống chính quyền phải trở thành hiện thực.

Tài liệu tham khảo

1. ADC và Care (2014), *Tài liệu hướng dẫn xác định và sử dụng kiến thức bản địa trong thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng*, Tài liệu Dự án.
2. Nguyễn Thẩm Thu Hà (2020), “Tri thức địa phương trong thích ứng với biến đổi khí hậu của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 91-102.
3. UBND tỉnh Sơn La (2011), *Kế hoạch hành động với BĐKH của tỉnh Sơn La giai đoạn 2010 - 2020*.
4. UBND tỉnh Sơn La (2020), *Địa chí Sơn La*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. UBND xã Phù Yên (2019), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2020*.
6. UBND xã Tân Lập (2019), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2020*.
7. Phạm Thị Cẩm Vân (2020a), “Biến đổi khí hậu và ứng phó của người Thái, người Hmông ở xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La trong một số hoạt động sinh kế phi nông nghiệp”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 40-51.
8. Phạm thị Cẩm Vân (2020b), “Thích ứng với biến đổi khí hậu trong một số hoạt động sinh kế phi nông nghiệp của người Thái và người Hmông ở tỉnh Sơn La”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, Số 11, tr. 35-42.